

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HC-PT

Ngày: 26 - 02 - 2025

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành
chính trong quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Trần Xuân Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 634/2024/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 106/2024/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1281/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đinh Xuân B, sinh năm 1949; Nơi cư trú: Số 118 đường N, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Lưu Kim O, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số 55A đường T, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng, theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2024 (Có mặt).

2. Người bị kiện:

Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Số 195 L, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Quang D - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng, theo Quyết định uỷ quyền số 1130/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Ngày 14/3/2024, cán bộ Ủy ban nhân dân phường V lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông B và cho rằng ông B đã tự ý sử dụng 127m² đất mặt nước ven biển do UBND phường V quản lý.

Ngày 12/4/2024, thực hiện công văn số 2908/UBND-TP của UBND quận Đ, UBND phường V tiếp tục lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính đối với ông B và cho rằng ông đã chiếm 127m² đất có mặt nước ven biển (nằm trong khu vực đất bãi bồi ven biển, thường xuyên được bồi tụ) theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ 02 biên bản trên, ngày 12/4/2024 Chủ tịch UBND quận Đ đã ban hành Quyết định số 473/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 18/6/2024, ông B nhận được Quyết định số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 của Chủ tịch UBND quận Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ông B không đồng ý với Quyết định 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ xác định ông B có hành vi chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị là không đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 12 của Luật Đất đai năm 2003 quy định “Nhà nước có chính sách khuyến khích người sử dụng đất đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào các việc sau đây...2. Khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước hoang hóa vào sử dụng đất” và căn cứ khoản 2 Điều 9 của Luật đất đai khuyến khích đầu tư vào đất đai. Trên thực tế, phần diện tích ông B khai hoang, tôn tạo trước kia là đất mặt nước hoang hóa. Thời kỳ ông khai phá, Ủy ban nhân dân thị xã Đ không quy hoạch chi

tiết, cụ thể đối với đất mặt nước ven biển tại V mà chỉ quy hoạch chung là đất du lịch, dịch vụ. Hơn thế nữa, thời kỳ này thành phố Hải Phòng chưa chú trọng tới phường V, ngân sách địa phương cũng không có nguồn thu để làm cơ sở hạ tầng, các công trình kè biển kiên cố, đưa đất vào sử dụng. Do đó khi Nhà nước chưa đầu tư, không muốn để lãng phí nguồn lực đất đai, ông B đã mạnh dạn tự bỏ công sức, tiền bạc để xây dựng cơ sở hạ tầng, làm đường đi, trạm điện, hệ thống cấp thoát nước, các tiện ích dân sinh để đưa đất hoang hóa vào sử dụng. Mặt khác, căn cứ thông báo hàng năm của Chi cục thuế quận Đ, ông B đã đóng tiền thuế đất đầy đủ bao gồm toàn bộ cả diện tích đất mặt nước đã khai hoang, tôn tạo. Do đó, việc ông B tôn tạo, đưa đất mặt nước ven biển hoang hóa vào sử dụng không những phù hợp với chính sách khuyến khích của Nhà nước, đúng quy hoạch phát triển du lịch của Ủy ban nhân dân quận Đ mà trên thực tế, quá trình sử dụng ông B đã đóng tiền thuế vào Ngân sách nhà nước đúng hạn, đầy đủ, Ủy ban nhân dân quận Đ hàng năm vẫn ghi nhận nguồn này mà không có bất kỳ ý kiến gì.

Ngày 24/5/2024, Chủ tịch UBND quận Đ ban hành Quyết định số 749/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Sau đó Ủy ban nhân dân quận Đ đã thông báo về việc tiến hành cưỡng chế và đã cưỡng chế công trình xây dựng trên đất của ông B vào ngày 26/6/2024. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Quyết định cưỡng chế là không đúng, tháo dỡ công trình của ông B là hủy hoại tài sản của ông B vì: Trên thực tế, 127m² đất mà Ủy ban nhân dân phường V xác minh 30 năm qua là đất mặt nước ven biển hoang hóa, vách núi cao, hiểm trở sóng đánh ngày đêm, thủy triều không ổn định. Suốt lịch sử của Đ không có thời kỳ nào địa chất khu vực này thay đổi, có phù sa bồi tụ như nội dung Biên bản xác minh của UBND phường V. Trong khi đó, tính chất đất bãi bồi ven biển, thường xuyên được bồi tụ phải là đất nằm trong vùng biển lặng, tốc độ nước chảy yếu, phù sa theo đó lắng đọng, bồi lên bờ, dần tạo thành bãi bồi hay châu thổ. Do đó nội dung xác minh về nguồn gốc đất, loại đất của Ủy ban nhân dân phường V là không đúng.

Ủy ban nhân dân phường xác định về mục đích sử dụng đất không phải nông, lâm, ngư nghiệp. Căn cứ khoản 3 Điều 80 của Luật Đất đai năm 2003, đất bãi bồi ven biển được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối. Tức địa thế đất phù hợp để canh tác nông nghiệp, neo đậu tàu thuyền nuôi thủy, hải sản hoặc có diện tích và tính chất nước biển, khí hậu tự nhiên

phù hợp để làm muối. Tuy nhiên, trong lịch sử 30 năm qua, UBND thị xã Đ nay là quận Đ chưa khi nào quy hoạch khu vực đất mặt nước ven biển mà ông B đang sử dụng vào các mục đích sử dụng đất như trên. Mặt khác người dân bản địa tại Đ trong 30 năm qua cũng không canh tác nông, lâm nghiệp, nuôi thủy sản hay làm muối ở vùng biển trên để làm cơ sở xác định đây là đất nông nghiệp. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ căn cứ biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân phường V để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông là sai về xác định loại đất.

Ông B khẳng định ông sử dụng đất là ngay tình, liên tục và công khai, cùng người chủ cũ là người khai hoang, tôn tạo đất hoang hóa theo khoản 2 Điều 12 của Luật đất đai năm 2003 quy định về việc khuyến khích đầu tư vào đất đai và căn cứ khoản 2 Điều 9 của Luật đất đai năm 2013 quy định khuyến khích đầu tư vào đất đai. Mặt khác, ông B sử dụng đất đến nay đã gần 30 năm, việc sử dụng là liên tục, ngay tình và công khai, phù hợp với quy định tại Điều 179, Điều 180, Điều 182, Điều 183 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trên thực tế, phần diện tích ông B khai hoang, tôn tạo trước kia là đất mặt nước hoang hóa. Ông B khẳng định việc sử dụng đất của ông là liên tục, có đóng tiền thuế đất, căn cứ thông báo hằng năm của Chi cục thuế quận Đ, ông B đã đóng tiền thuế đất đầy đủ bao gồm toàn bộ diện tích đất mặt nước đã khai hoang, tôn tạo. Do đó, việc ông B tôn tạo, đưa mặt nước ven biển hoang hóa vào sử dụng không những phù hợp với chính sách khuyến khích của Nhà nước, đúng quy hoạch phát triển du lịch của Ủy ban nhân dân quận Đ mà trên thực tế, quá trình sử dụng ông B đã đóng tiền thuế vào Ngân sách nhà nước đúng hạn, đầy đủ, Ủy ban nhân dân quận Đ hàng năm vẫn ghi nhận nguồn thu này mà không có bất kỳ ý kiến gì.

Vì vậy, hành vi của ông B không phải hành vi chiếm đất nông nghiệp, không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ủy ban nhân dân quận Đ không xác minh thời điểm sử dụng đất khi xác minh hành vi vi phạm của ông B thể hiện trong các Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính, Biên bản vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân phường V lập trên cơ sở ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền xử phạt là Ủy ban nhân dân quận Đ, Ủy ban nhân dân phường V không xác minh chính xác thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây, dựng các công trình trên đất ông B đang quản lý và sử dụng mà chỉ sử dụng thuật ngữ “đi kiểm tra phát hiện”. Đây là tình tiết quan trọng

để khẳng định người sử dụng đất có lấn chiếm hay không nhưng Ủy ban nhân dân phường V, Ủy ban nhân dân quận Đ đã không làm rõ. Hành vi của Ủy ban nhân dân phường V, Ủy ban nhân dân quận Đ đã vi phạm nghiêm trọng điểm b, d khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 6, khoản 3, khoản 10 Điều 12, khoản 1, khoản 6 Điều 12 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, làm sai lệch nội dung xử phạt hành chính, xử phạt không có hành vi vi phạm.

Vì vậy, hành vi của ông B không phải hành vi chiếm đất nông nghiệp, không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ủy ban nhân dân quận Đ áp dụng thời điểm là trái quy định của pháp luật. Việc tái đầu tư khai phá trên vùng đất mặt nước hoang hóa để phục vụ việc kinh doanh dịch vụ đã diễn ra năm 2005. Việc này Ủy ban nhân dân quận Đ nắm rất rõ và đã đồng ý với việc ông B nên đã ghi vào diện tích hợp đồng thuê đất của ông B hàng năm. Thông báo nộp tiền thuê đất là 127m² trong đó chỉ có 99m² là có trong hợp đồng thuê đất. Ông B đã chấp hành nộp tiền hàng năm. Đến ngày 11/8/2017, Ủy ban nhân dân quận Đ đã ra thông báo số 281 kiểm tra toàn bộ việc sử dụng đất ở hai điểm (khu cây dừa, khu 203 và khu phường cũ) song hành với thông báo này là Quyết định số 1050 ngày 11/8/2017 thành lập đoàn kiểm tra. Theo đó các ban ngành được Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường đều có cán bộ trực tiếp tham gia theo kế hoạch số 1050. Do đó xác định Ủy ban nhân dân phường V và Ủy ban nhân dân quận Đ biết rõ việc ông B đầu tư khai phá vùng bãi đá ngập nước hoang hóa từ trước 2017, tính đến nay là hơn 10 năm nhưng không hề xử lý. Việc Ủy ban nhân dân phường V lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông B lại ghi là qua kiểm tra hiện nay mới phát hiện vụ việc là việc làm không trung thực nhằm hợp thức hóa về tính thời hiệu của quy định xử phạt hành chính (nếu tính theo thời điểm thì đã hết thời hiệu để xử phạt hành chính đối với hành vi đã xảy ra cách đây hơn 10 năm). Như vậy, quy định xử phạt hành chính của Ủy ban nhân dân quận Đ là vi phạm pháp luật.

Ủy ban nhân dân quận Đ không giải quyết khiếu nại của ông B. Sau khi nhận được quyết định số 473/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, ông B đã gửi khiếu nại tới Chủ tịch UBND quận Đ để xem xét lại việc xử phạt hành chính. Khiếu nại của ông B đúng hình thức, trình tự, thủ tục, đủ điều kiện thụ lý giải quyết. Tuy nhiên đến nay đã quá 60 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của người khiếu nại nhưng UBND quận Đ không ban hành quyết

định giải quyết khiếu nại mà đã tiến hành cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả liên quan đến Quyết định xử phạt hành chính nêu trên: Hành vi của Chủ tịch UBND quận Đ đã vi phạm nghiêm trọng Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 2, khoản 9 Điều 6, Điều 28, khoản 2 Điều 29 của Luật Khiếu nại năm 2011, dẫn đến công trình tài sản là đối tượng của việc khiếu nại đang được xác minh bị hủy hoại, làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết khiếu nại của ông B, có thể làm sai lệch nội dung giải quyết khiếu nại.

Ông B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng hủy toàn bộ Quyết định số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 của Chủ tịch UBND quận Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đinh Xuân B. Đồng thời xem xét buộc UBND quận Đ phải bồi thường cho ông số tiền 1.500.000.000 đồng khi tiến hành cưỡng chế đã gây thiệt hại đối với tài sản của ông B xây trên diện tích đất 127m².

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ, Ủy ban nhân dân quận Đ, người đại diện theo Ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cùng thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng thửa đất của ông Đinh Xuân B đang sử dụng:

Theo bản đồ đo đạc năm 1990 và sổ mục kê ruộng đất kèm theo vị trí thửa đất của ông Đinh Xuân B tự ý sử dụng đất vi phạm được xác định tại tờ bản đồ số 10-VH, loại đất ghi: ‘Vịnh Bắc Bộ’. Tại thời điểm đo đạc bản đồ, diện tích trên là bãi đá, đất mặt nước ven biển (nằm trong khu vực đất bãi bồi ven biển, thường xuyên được bồi tụ). Theo bản đồ đo đạc năm 2013, thửa đất ông Đinh Xuân B vi phạm được xác định là một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 75, diện tích: 2.908,8m², loại đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), chủ sử dụng đất: UBND quận Đ.

Trên cơ sở xác định loại đất ban đầu trước khi có hành vi vi phạm chiếm đất do tự ý sử dụng đất mà không được các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép của ông Đinh Xuân B là đất mặt nước ven biển (nằm trong khu vực đất bãi bồi ven biển, thường xuyên được bồi tụ).

Căn cứ theo diễn biến hiện trạng nguồn gốc sử dụng đất và Luật Đất đai năm 2013: Đất mặt nước ven biển được sử dụng vào nhiều mục đích và có thể xác định là đất nông nghiệp hoặc đất phi nông nghiệp. Tuy nhiên, theo vị trí, đặc điểm, diễn biến hiện trạng khu đất ban đầu trước khi có hành vi vi phạm, diện tích đất vi phạm nằm trong khu vực đất bãi bồi ven biển (ven bờ) thường xuyên được bồi tụ của đất,

cát, phù sa, bên cạnh là bãi tắm khu III (thuộc Công ty TNHH MTV Vạn Hoa HAI PHONG trước đây), bên trên là chân núi sạt lở. Do đó xác định là nhóm đất nông nghiệp (không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị...) theo Điều 48, mục 2 Đất nông nghiệp tại Nghị định số 43/2014 của Chính phủ.

Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, ông Đinh Xuân B chiếm 127,0m² đất có mặt nước ven biển (nằm trong khu vực đất bãi bồi ven biển, thường xuyên được bồi tụ) để sử dụng vào mục đích làm bãi đỗ xe, kè đá mà không được cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai cho phép. Quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Về việc xử lý vi phạm đối với ông Đinh Xuân B: Ngày 13/3/2024, Ủy ban nhân dân phường V ban hành Thông báo số 187/TB-UBND về lịch làm việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các trường hợp tự ý sử dụng đất (Giáp phía biển) tại khu 203, tổ dân phố 8, phường V.

Ngày 14/3/2024, Ủy ban nhân dân phường V tổ chức kiểm tra các công trình đang sử dụng tại khu 203 (phía biển), phường V. Kết quả: Ủy ban nhân dân phường lập Biên bản làm việc số 08/BB-LV ngày 14/3/2024 về hiện trạng công trình vi phạm của ông Đinh Xuân B đang sử dụng: Thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 14 tháng 3 năm 2024 trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đinh Xuân B. Trong đó xác định hành vi vi phạm là chiếm đất nông nghiệp (đất mặt nước ven biển) với diện tích 127m² tại khu vực đô thị để sử dụng vào mục đích làm bãi đỗ xe, kè đá.

Ngày 14/3/2024, Ủy ban nhân dân phường V lập tờ trình số 13/TTr-UBND về việc đề xuất Ủy ban nhân dân quận xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đinh Xuân B do vượt thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân phường V, hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với số tiền 8.000.000 đồng; buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 0 đồng.

Căn cứ hồ sơ của Ủy ban nhân dân phường V lập, phòng Tài nguyên và Môi trường dự thảo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Xuân B gửi Phòng Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân quận xem xét phê duyệt.

Ngày 22/3/2024, Phòng Tư pháp có Công văn số 41/TP về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, theo đó xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân phường V lập là chưa đủ cơ sở để trình Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định.

Ngày 22/3/2024, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 59/TNMT gửi UBND phường V về việc chuyển trả hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với 27 trường hợp tại khu 203, tổ dân phố 8, phường V, yêu cầu xác minh tình tiết vụ việc.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân phường V lập Biên bản số 06/BB-XM xác minh tình tiết vụ việc đối với ông Đinh Xuân B, bổ sung, đính chính một số nội dung tại Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 14/3/2024 và xác định ông Đinh Xuân B chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích 127m², thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 75 (theo bản đồ đo vẽ năm 2013), tại Khu 2, phường V, quận Đ quy mô công trình: Công trình 1: xây kè đá kích thước 10,0m x 3,2m; Công trình 02: Công trình 01 tầng kích thước 10,0m x 12,7m, mái bê tông, tường xây gạch móng trụ, lợp mái tôn mạ màu, sườn sắt, tường bao xây gạch.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân phường V có Báo cáo số 45/BC-UBND về nguồn gốc đất đối với diện tích đất bị ông Đinh Xuân B vi phạm; đề xuất Ủy ban nhân dân quận xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại tờ trình 41/TTr-UBND ngày 12/4/2024.

Trên cơ sở hồ sơ UBND phường V đã bổ sung, phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 105/TTr-TNMT ngày 12/4/2024 đề xuất xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đinh Xuân B.

Ngày 12/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 473/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đinh Xuân B. Hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích 127,0m², thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 75 (theo Bản đồ đo vẽ năm 2013) tại Khu 2, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 24/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 749/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đinh Xuân B.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000.000 đồng của ông B cho rằng Ủy ban nhân dân quận Đ đã gây thiệt hại khi cưỡng chế thu hồi đất: Ngày 25/6/2024, bằng nỗ lực vận động, thuyết phục của các Tổ công tác và Ban thực hiện cưỡng chế, ông Đinh Xuân B đã đồng thuận ký biên bản số 08/BB-CCXP tự nguyện thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trả lại đất đã chiếm do vậy hành vi cưỡng chế của Ủy ban nhân dân quận Đ đối với công trình của ông Đinh Xuân B không diễn ra.

Căn cứ vào báo cáo nguồn gốc sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường V; căn cứ vào Bản đồ giải thửa và Sổ mục kê ruộng đất năm 1990-1991, diện tích đất vi phạm của ông Đinh Xuân B được xác định tại tờ bản đồ số 10-VH, vị trí diện tích đất bị vi phạm ghi “Vịnh Bắc Bộ”, thuộc đất mặt nước ven biển. Theo Luật Đất đai năm 2013: Đất mặt nước ven biển được sử dụng vào nhiều mục đích và có thể xác định là đất nông nghiệp hoặc đất phi nông nghiệp. Tuy nhiên theo vị trí, đặc điểm, quá trình hình thành, hiện trạng khu đất ban đầu trước khi có hành vi vi phạm nằm trong khu vực đất bãi bồi ven biển (ven bờ) thường xuyên được bồi tụ của Biển Vịnh bắc bộ và bên trên là chân núi sạt lở nên có thể xác định nằm trong nhóm đất nông nghiệp (không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng Phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị...). Theo Bản đồ năm 1990 và sổ mục kê kèm theo: Diện tích đất vi phạm ghi “Vịnh Bắc Bộ”: có vị trí mặt nước ven biển nhưng nằm trong khu vực đất ven biển, được hình thành từ việc bồi đắp của phù sa, cát, đất, đá...nằm liền kề bãi tắm khu III thuộc Công ty TNHH MTV Vạn Hoa HAI PHONG trước đây).

Theo Luật Đất đai năm 2013: Đất mặt nước ven biển nhưng nằm trong khu đất có đặc tính là Đất bãi bồi ven biển (ven bờ) thường xuyên được bồi tụ là nhóm đất trong đất nông nghiệp. Căn cứ Điều 48 Mục 2 Đất nông nghiệp tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP là đúng quy định.

Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xác định ông Đinh Xuân B đang tự ý sử dụng đất và công trình vi phạm mà không được cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai cho phép (vi phạm tại điểm a, khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ).

Căn cứ hồ sơ xử lý vi phạm đối với ông Đinh Xuân B và báo cáo nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân phường V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ khẳng định việc Ủy ban nhân dân phường V đã xác định đúng nguồn gốc sử dụng đất, xác định đúng loại đất theo quy định của pháp luật.

Việc thiết lập hồ sơ và ban hành Quyết định 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đinh Xuân B được thực hiện đảm bảo theo đúng trình tự quy định, đảm bảo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Ông Đinh Xuân B đã ký biên bản tự nguyện thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trả lại đất đã chiếm. Đến nay, hành vi vi phạm của ông Đinh Xuân B đã kết thúc. Việc ông B khởi kiện hủy Quyết định số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 của Ủy ban nhân dân quận Đ và yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ bồi thường số tiền thiệt hại 1.500.000.000 đồng là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2024/HC-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6; Điều 28; Điều 38; Điều 54; Điều 86; Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 206 Luật Đất đai;

Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019 NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân B về các nội dung sau:

- Hủy Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 của Chủ tịch UBND quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000.000 đồng thiệt hại tài sản do hành vi cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2024, ông Đinh Xuân B kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, không xem xét đầy đủ, khách quan hồ sơ tài liệu có trong vụ án dẫn đến nhận định, quyết định sai lầm, trái quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo.

Sau khi người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án số 106/2024/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Ngày 12/9/2024, người khởi kiện Đinh Xuân B nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị

kiện nhưng phiên tòa được mở lần 2 nên Hội đồng tiến hành xét xử vụ án theo đúng Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết và đối tượng khởi kiện:

Ngày 20/6/2024, ông Đinh Xuân B nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 749/QĐ-CCXP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định đúng đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

- Xem xét tính hợp pháp của Quyết định 749/QĐ- CCXP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ và Quyết định có liên quan:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Phó chủ tịch UBND quận Đ căn cứ quyết định số 740/QĐ-GQCC ngày 23/5/2024 về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nên ngày 24/5/2024 đã ban hành Quyết định về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 749/QĐ-CCXP là đúng quy định tại Điều 38 và Điều 54 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[3.2] Về trình tự ban hành quyết định: Căn cứ biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 14/3/2024 do Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng lập, xác định ông Đinh Xuân B đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp (đất mặt nước ven biển) khu vực đô thị với diện tích 127,0m², có công trình gắn liền với đất gồm, công trình 1: Kè xây đá hộc, có chít mạch dài 10,0m; cao 3,2m, rộng 0,6m (phía biển); Công trình 02: Nhà 01 tầng, tường xây gạch, móng bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, trên lợp mái tôn mạ màu, khung sườn sắt diện tích 10,0m x 12,7m; ngày 12/4/2024 Phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận Đ đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 473/QĐ-XPHC của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận Đ, do ông B không thực hiện Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 473/QĐ-XPHC nên ngày 24/5/2024 Phó Chủ tịch UBND quận Đ thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ ban hành Quyết định về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 749/QĐ-CCXP là đúng quy định tại các Điều 54; Điều 73; Điều 86, Điều 87, Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3.3] Về nội dung quyết định.

[3.3.1] Quyết định số 473/QĐ-XPHC ngày 12/4/2024 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận Đ: Tại biên bản làm việc số 08/BB-LV và Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 14/3/2024 do UBND phường V, quận Đ lập đã xác định ông Đinh Xuân B đang tự ý sử dụng đất và công trình với diện tích 127m² mà không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép, theo hồ sơ của Ủy ban nhân dân phường V quản lý, ông Đinh Xuân B không có hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất, toàn bộ diện tích trên có nguồn gốc là đất mặt nước ven biển. Theo bản đồ đo đạc năm 1990 và sổ mục kê ruộng đất kèm theo diện tích đất mặt nước ven biển ông B đang sử dụng được xác định tại bản đồ số 10-VH, có vị trí được ghi là “Vịnh Bắc Bộ” do Ủy ban nhân dân phường V quản lý. Theo bản đồ đo đạc năm 2013 xác định diện tích đất ông Đinh Xuân B đang sử dụng vi phạm thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 75, diện tích đất: 2.908,8m²; mục đích đang sử dụng: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (viết tắt SKC), chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân quận Đ. Mặc dù ông B có trình bày nguyên nhân dẫn tới việc có hành vi sử dụng toàn bộ diện tích đất 127m² đất mặt nước ven biển là xuất phát từ việc ông đã ký kết Hợp đồng thuê mặt bằng với Ủy ban nhân dân thị xã Đ năm 1999 để thuê 99m² mặt bằng tại Khu II, phường V, thị xã Đ để làm quán bán hàng kinh doanh dịch vụ du lịch, từ đó để có bãi đỗ xe cho khách cũng như đảm bảo độ an toàn cho khách lưu trú khi đến tham quan du lịch, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban thành phố trong việc làm đẹp khu du lịch cũng như phát triển hệ thống du lịch nên gia đình ông B đã tiến hành tự mình bỏ công sức kè đá chắn sóng và làm chỗ để xe. Tuy nhiên việc gia đình ông tự ý sử dụng toàn bộ diện tích 127,0 m² đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là đã có hành vi lấn chiếm đất đai, đã vi phạm vào quy định điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[3.3.2] Việc ông Đinh Xuân B đã lấn, chiếm đất trong thời gian dài và đến khi UBND V lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đinh Xuân B thì hành vi vi phạm chưa chấm dứt.

Theo điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ thì hành vi: “Lấn, chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị” là hành vi đang diễn ra. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm kể từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.

Như vậy, ông B đã chiếm 127,0m² đất tại một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 75 phường V, quận Đ được thực hiện gần 30 năm nhưng hành vi “*Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị*” do ông B thực hiện vẫn tiếp tục diễn ra. Do đó, thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi “*Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị*” đối với ông Đinh Xuân B là 02 năm, kể từ thời điểm Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V lập Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 14/3/2024.

Việc ông B cho rằng đất của ông không phải là loại đất bãi bồi ven biển, thường xuyên được bồi tụ đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi “*Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị*” đối với diện tích 127,0m² mà ông B đang sử dụng tại phường V, quận Đ là không có cơ sở. Do đó việc ban hành Quyết định 473/QĐ-XPHC của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận Đ buộc ông B phải nộp phạt số tiền 8.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đối tượng vi phạm phải di dời tài sản, tháo dỡ hoặc phá dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất vi phạm và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm theo quy định là đúng quy định tại điểm a, khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là hoàn toàn đúng pháp luật. Vì ông B không thực hiện nội dung của Quyết định XPHC nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ đã ban hành Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024.

[3.3.3] Quyết định cưỡng chế số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 do Chủ tịch ủy ban nhân dân quận Đ ban hành khi ông Đinh Xuân B không thực hiện yêu cầu tại Quyết định 473/QĐ-XPHC ngày 12/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ. Theo nội dung của Quyết định 749/QĐ-CCXP, xác định trong thời gian 45 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định cưỡng chế xử phạt này ông B phải di dời tài sản, tháo dỡ hoặc phá dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất vi phạm việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện là “buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm theo quy định” là đúng quy định tại Điều 28, Điều 38, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và ngày 24/5/2024 ông Đinh Xuân B đã ký biên bản Công nhận sự tự nguyện thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, tự nguyện tháo dỡ các

công trình vi phạm trên đất và bàn giao lại mặt bằng đất đang sử dụng trái phép cho chính quyền địa phương.

[3.3.4] Đối với việc ông Đinh Xuân B yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ phải bồi thường cho ông số tiền 1.500.000.000 đồng: Ngày 14/3/2024, Ủy ban phường V lập biên bản làm việc và biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC, xác định ông B có hành vi vi phạm là chiếm đất nông nghiệp (đất mặt nước ven biển) khu vực đô thị với diện tích 127,0m² thuộc 1 phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 75, Tổ dân phố 8, phường V để xây dựng các công trình gồm: Công trình 1 kè xây đá hộc có chít mạch dài 10,0m, cao 3,2m, rộng 0,6m (phía biển) công trình số 02: nhà 01 tầng, tường xây gạch, móng bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, trên lợp mái tôn mạ màu, khung sườn sắt diện tích 10,0m x 12,7m theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Qua việc vận động, ông B đã cam đoan sẽ tháo dỡ các công trình vi phạm và ngày 24 tháng 5 năm 2023 Ủy ban nhân dân quận Đ đã lập biên bản số 08/BB-CCXP về việc Công nhận sự tự nguyện thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của ông Đinh Xuân B, ông B cam kết tháo dỡ các công trình vi phạm ra khỏi thửa đất số 03 tờ bản đồ số 75, khôi phục lại tình trạng ban đầu của diện tích đất trước khi vi phạm, trả lại đất đã chiếm. Chủ tịch Ủy ban quận Đ đã ban hành Quyết định 473/QĐ-XPHC ngày 12/4/2024 và Quyết định số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng pháp luật. Ông B đã tự nguyện thi hành Quyết định số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 tự nguyện khắc phục hậu quả, tháo dỡ công trình vi phạm trên đất do Ủy ban nhân dân phường V quản lý, trả lại đất đã chiếm. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Đ phải bồi thường thiệt hại công trình đã bị Cưỡng chế theo Quyết định số 749/QĐ-CCXP ngày 24/5/2024 với số tiền thiệt hại tài sản khoảng 1.500.000.000 đồng của ông Đinh Xuân B là đúng pháp luật.

[3.3.5] Việc Chủ tịch ủy ban nhân dân quận Đ đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 473/QĐ-XPHC ngày 12/4/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 749/QĐ- CCXP ngày 24/5/2024 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục; nội dung các quyết định đều phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Đinh Xuân B là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện và quyết định hành chính có liên quan, đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện (ông Đinh Xuân B) không được chấp nhận nhưng ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Đinh Xuân B và giữ nguyên quyết định của Bản án số 106/2024/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đinh Xuân B.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/02/2025.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ.c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng